Số: 14/TB-HĐ; 24/02/2026; 10:59:28

UBND TỈNH BẮC NINH
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA, SÁT HẠCH TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIÊN CHỨC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ NGUYỆN VỌNG TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIÊN CHỨC ĐỢT 2
(GIÁO VIÊN MẦM NON HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19/2017/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH)
(Kèm theo Thông báo số /TB-HĐ ngày tháng 02 năm 2026 của Hội đồng)

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Điểm sát hạch	Ghi chú
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
		XÃ BẮC LŨNG: Chỉ tiêu: 10; đăng ký: 12										
1	**0308**	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	17/02/1995	Nữ	Trường mầm non Nghĩa Phương	Nghĩa Phương	Đại học	Xuất sắc	3,68	80	
2	**0232**	Síu A	Mùi	20/06/1992	Nữ	Trường MN Vô Tranh số 2	Trường Sơn	Cao đẳng	Khá	7,05	64	
3	**0371**	Dương Thị	Thương	02/01/1990	Nữ	Mầm non Xương Lâm	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Khá	7,50	64	
4	**0276**	Vũ Kiều	Oanh	06/08/1996	Nữ	Trường MN Vô Tranh số 2	Trường Sơn	Cao đẳng	Khá	3,16	62	
5	**0124**	Lê Thị	Huệ	04/5/1990	Nữ	Trường mầm non Nghĩa Phương	Nghĩa Phương	Đại học	Khá	3,16	62	
6	**0277**	Nguyễn Thị	Oanh	07/09/1981	Nữ	Trường MN Tiên Hưng	Lục Nam	Đại học	TBK	6,60	62	
7	**0392**	Nguyễn Thị	Uyên	18/12/1995	Nữ	Mn Kiên Lao số 2	Kiên Lao	Đại học	Khá	2,97	60	
8	**0356**	Ngô Thị	Thuỳ	29/10/1996	Nữ	Mầm non Xương Lâm	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	3,08	60	
9	**0206**	Đỗ Thị Khánh	Ly	17/06/1991	Nữ	Trường MN Tiên Nha	Lục Nam	Đại học	Giỏi	3,21	56	
10	**0192**	Nguyễn Thị	Loan	20/5/1993	Nữ	MN Đan Hội	Cẩm Lý	Đại học	Khá	3,09	56	
11	**0264**	Phạm Thị	Nhung	26/07/1989	Nữ	Trường MN Tiên Hưng	Lục Nam	Đại học	Khá	2,82	56	
12	**0039**	Đỗ Thị Kim	Dung	23/08/1991	Nữ	Trường MN số 2	Phường Phượng sơn	Cao đẳng	Giỏi	3,23	56	
		XÃ BẢO ĐÀI: Chỉ tiêu: 12; đăng ký: 12										
1	**0227**	Nguyễn Thị	Mơ	19/01/1993	Nữ	Trường MN Chu Điện	Lục Nam	Đại học	Khá	7,85	82	
2	**0357**	Nguyễn Thị	Thuỷ	13/03/1991	Nữ	Trường MN Chu Điện	Lục Nam	Đại học	Khá	2,80	82	
3	**0170**	Bùi Thị	Lan	31/12/1995	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	2,76	74	
4	**0315**	Trịnh Thị Kim	Tuyết	18/01/1993	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Khá	7,03	72	
5	**0028**	Hoàng Thị	Chinh	13/07/1996	Nữ	Mầm non Hương Lạc số 1	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Khá	2,92	72	
6	**0068**	Hoàng Thị	Hải	15/08/1984	Nữ	Mầm non Hương Lạc số 1	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	TBK	6,74	72	
7	**0169**	Dương Thị	Lan	29/11/1995	Nữ	Mầm non Vôi số 2	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	2,68	70	
8	**0026**	Cao Thị	Chiên	21/01/1993	Nữ	Mầm non Hương Lạc số 1	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	3,14	68	
9	**0053**	Lê Thị	Định	20/09/1993	Nữ	Mầm non Vôi số 1	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	2,70	66	
10	**0001**	Hoàng Thị	An	18/11/1990	Nữ	Mầm non Vôi số 1	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	7,71	66	
11	**0045**	Bùi Thị	Duyên	08/01/1992	Nữ	Mầm non Vôi số 1	Xã Lạng Giang	Đại học	TBK	6,62	66	
12	**0321**	Hà Thị	Thanh	31/05/1994	Nữ	MN Tiên Lục số 6	Tiên Lục	Đại học	Giỏi	3,31	54	
		XÃ BỐ HẠ: Chỉ tiêu: 03; đăng ký: 03										
1	**0424**	Nguyễn Thị	Yến	26/7/1996	Nữ	MN Tân Yên	Tân Yên	Cao đẳng	Giỏi	3,25	92	
2	**0234**	Đoàn Trà	My	02/09/1991	Nữ	MN Tân Yên	Tân Yên	Cao đẳng	Giỏi	3,43	92	

TT	SBD	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Điểm sát hạch	Ghi chú
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
3	**0032**	Nguyễn Thị	Chinh	10/06/1993	Nữ	Trường MN Đồng Vương	Đồng Kỳ	Đại học	Giỏi	3,27	92	
		XÃ ĐẠI SƠN: Chỉ tiêu: 01; đăng ký: 01										
1	**0263**	Hoàng Thị Tuyết	Nhi	22/08/1995	Nữ	Trường MN Giáp Sơn	Xã Lục Ngạn	Cao đẳng	Khá	7,81	60	
		XÃ ĐÔNG CỨU: Chỉ tiêu: 05; đăng ký: 02										
1	**0414**	Trần Thị	Yến	15/11/1990	Nữ	Mầm non Biển Động	Biển Động	Đại học	TBK	6,15	52	
2	**0413**	Hoàng Thị	Yến	07/08/1985	Nữ	Mầm non Biển Động	Biển Động	Đại học	Khá	2,99	50	
		XÃ ĐÔNG PHÚ: Chỉ tiêu: 06; đăng ký: 08										
1	**0115**	Nguyễn Thị	Học	13/07/1991	Nữ	Trường mầm non Nghĩa Phương	Nghĩa Phương	Đại học	Khá	3,18	78	
2	**0211**	Nguyễn Thị	Mai	02/04/1997	Nữ	Trường MN Vô Tranh số 1	Trường Sơn	Cao đẳng	Khá	3,13	72	
3	**0107**	Luyện Minh	Hoa	14/12/1994	Nữ	Trường MN Đồi Ngô	Lục Nam	Đại học	Khá	2,64	72	
4	**0168**	Tạ Thị	Lan	21/01/1993	Nữ	Trường MN Vô Tranh số 2	Trường Sơn	Cao đẳng	Giỏi	8,10	68	
5	**0067**	Dương Mỹ	Hải	22/09/1986	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	2,80	66	
6	**0134**	Phạm Thị	Huyền	29/12/1985	Nữ	Trường MN Vô Tranh số 1	Trường Sơn	Đại học	TBK	6,61	64	
7	**0288**	Nguyễn Thị	Phương	04/09/1990	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Khá	7,44	56	
8	**0149**	Dương Thị	Hương	16/08/1994	Nữ	Trường Mầm Non Nam Dương số 1	Nam Dương	Cao đẳng	Giỏi	3,22	54	
		XÃ DƯƠNG HƯU: Chỉ tiêu: 01; đăng ký: 01										
1	**0368**	Nguyễn Thị	Thúy	05/10/1988	Nữ	Trường MN Giáp Sơn	Xã Lục Ngạn	Đại học	Khá	3,14	54	
		XÃ HỢP THỊNH: Chỉ tiêu: 14; đăng ký: 09										
1	**0136**	Nguyễn Thị	Huyền	04/11/1994	Nữ	Trường MN Việt Ngọc	Ngọc Thiện	Cao đẳng	Khá	7,80	80	
2	**0365**	Tạ Thị	Thủy	03/10/1991	Nữ	MN Hoàng An	xã Hoàng Vân	Đại học	Khá	3,18	78	
3	**0195**	Nguyễn Thị	Loan	21/01/1974	Nữ	MN Hoàng Vân	xã Hoàng Vân	Đại học	Khá	7,62	76	
4	**0201**	Lê Thị	Luyến	15/07/1984	Nữ	MN Hoàng An	xã Hoàng Vân	Cao đẳng	Giỏi	3,54	70	
5	**0312**	Nguyễn Thị	Tuyển	02/06/1986	Nữ	MN Hoàng Lương	xã Hoàng Vân	Đại học	Khá	3,08	68	
6	**0205**	Nguyễn Thị	Lượng	01/02/1985	Nữ	MN Hoàng Thanh	xã Hoàng Vân	Đại học	Khá	2,97	62	
7	**0090**	Nguyễn Thị	Hiên	26/10/1996	Nữ	MN Hoàng Lương	xã Hoàng Vân	Đại học	Khá	3,17	54	
8	**0237**	Nguyễn Thị	Nga	03/08/1995	Nữ	MN Hoàng Lương	xã Hoàng Vân	Cao đẳng	Khá	3,15	54	
9	**0050**	Vũ Thị Bích	Đào	21/07/1979	Nữ	Trường MN số 1	Phường Phượng sơn	Đại học	Khá	3,03	52	
		XÃ KÉP: Chỉ tiêu: 01; đăng ký: 01										
1	**0401**	Vũ Thị	Vi	06/08/1989	Nữ	Mầm non Hương Lạc số 1	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	7,69	74	
		PHƯỜNG KINH BẮC: Chỉ tiêu: 04; đăng ký: 04										
1	**0255**	Đỗ Thị	Nguyệt	08/04/1991	Nữ	Trường MN Đèo Gia số 1	Xã Đèo Gia	Cao đẳng	Khá	7,34	58	
2	**0423**	Giáp Thị	Yến	07/02/1994	Nữ	Trường Mầm non Quế Nham	Đa Mai	Cao đẳng	Giỏi	3,24	58	

TT	SBD	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Điểm sát hạch	Ghi chú
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
3	**0389**	Nguyễn Thị Huyền	Trang	15/10/1995	Nữ	Trường Mầm non Quế Nham	Đa Mai	Cao đẳng	Giỏi	7,70	56	
4	**0120**	Nguyễn Thị	Huế	07/10/1982	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	7,39	52	
		XÃ LÂM THAO: Chỉ tiêu: 05; đăng ký: 01										
2	**0048**	Lăng Thị	Dự	23/01/1992	Nữ	MN Phong Vân	Biên Sơn	Cao đẳng	Xuất sắc	3,85	50	
		PHƯỜNG NÉNH: Chỉ tiêu: 08; đăng ký: 06										
1	**0112**	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	13/01/1990	Nữ	Trường Mầm non Mỹ Độ	Đa Mai	Cao đẳng	Khá	7,77	96	
2	**0003**	Lê Thị Thúy	An	10/08/1992	Nữ	Trường Mầm non Hoa Hồng	P. Bắc Giang	Đại học	Khá	2,82	92	
3	**0258**	Mai Thị Thanh	Nhã	30/01/1995	Nữ	MN Tiên Lục số 5	Tiên Lục	Đại học	Khá	2,77	68	
4	**0409**	Ninh Thị	Xuân	14/12/1986	Nữ	Trường MN Tiên Lục số 3	Tiên Lục	Cao đẳng	TBK	6,90	66	
5	**0422**	Nguyễn Thị Hải	Yến	21/07/1995	Nữ	Trường Mầm non Lê Lợi	P. Bắc Giang	Đại học	Khá	3,02	62	
6	**0035**	Nguyễn Thị	Diện	01/7/1994	Nữ	Trường MN Tiên Nha	Lục Nam	Đại học	Giỏi	3,26	54	
		PHƯỜNG NHÂN HOÀ: Chỉ tiêu: 04; đăng ký: 03										
1	**0194**	Nguyễn Thị	Loan	06/05/1985	Nữ	MN Xuân Hương	Mỹ Thái	Đại học	Khá	2,64	54	
2	**0318**	Nguyễn Thị	Thái	30/03/1992	Nữ	Trường MN Tiên Lục số 1	Tiên Lục	Cao đẳng	Khá	2,82	54	
3	**0243**	Nguyễn Thị	Ngân	16/10/1986	Nữ	MN Hương Gián	Tân Tiến	Đại học	TBK	6,49	52	
		XÃ PHẤT TÍCH: Chỉ tiêu: 04; đăng ký: 01										
1	**0239**	Tăng Thị Thanh	Nga	20/05/1995	Nữ	Trường MN Đồng Kỳ	Đồng Kỳ	Cao đẳng	Khá	7,32	56	
		XÃ QUANG TRUNG: Chỉ tiêu: 02; đăng ký: 02										
1	**0070**	Vi Thị	Hạnh	10/09/1989	Nữ	MN Tân Yên	Tân Yên	Cao đẳng	Giỏi	8,37	92	
2	**0052**	Nguyễn Thị Ngọc	Điệp	05/8/1994	Nữ	MN Xuân Lương	Xuân Lương	Cao đẳng	Giỏi	8,06	72	
		XÃ SƠN HẢI: Chỉ tiêu: 01; đăng ký: 02										
1	**0296**	Vi Thị	Quyên	18/05/1989	Nữ	Trường MN số 1	Phường Phượng sơn	Cao đẳng	Giỏi	3,22	92	
2	**0103**	Nguyễn Thị	Hiền	21/07/1986	Nữ	Mầm non Kiên Lao số 2	Kiên Lao	Cao đẳng	Giỏi	3,20	56	
		XÃ TÂN DĨNH: Chỉ tiêu: 01; đăng ký: 03										
1	**0100**	Trần Thị	Hiền	19/09/1993	Nữ	Trường Mầm non Dĩnh Trì	P. Bắc Giang	Đại học	Khá	7,50	96	
2	**0099**	Vi Thị	Hiền	07/01/1994	Nữ	Trường mầm non Sao Mai	P. Bắc Giang	Cao đẳng	Giỏi	3,23	54	
3	**0247**	Hoàng Bảo	Ngọc	10/07/1995	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	2,80	50	
		XÃ TÂY YÊN TỬ: Chỉ tiêu: 01; đăng ký: 01										
1	**0150**	Nguyễn Minh	Hương	30/11/1995	Nữ	MN Trường Sơn	Trường Sơn	Cao đẳng	Giỏi	3,26	74	
		PHƯỜNG THUẬN THÀNH: Chỉ tiêu: 04; đăng ký: 01										
1	**0073**	Trần Thị	Hằng	01/02/1990	Nữ	Mầm non Vôi số 2	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	2,70	62	
		XÃ TUẤN ĐẠO: Chỉ tiêu: 04; đăng ký: 05										

TT	SBD	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Điểm sát hạch	Ghi chú
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
1	**0402**	Vi Thị	Viết	25/01/1994	Nữ	Trường mầm non Kim Sơn	Biển Động	Đại học	TBK	6,53	74	
2	**0147**	Phạm Thị	Hương	01/05/1995	Nữ	Trường mầm non Đồng Cốc	Xã Lục Ngạn	Cao đẳng	Khá	3,13	66	
3	**0319**	Hoàng Thị	Thanh	10/05/1995	Nữ	Trường Mầm non Tân Quang	Xã Lục Ngạn	Cao đẳng	Khá	2,99	64	
4	**0355**	Giáp Thị	Thuận	18/04/1992	Nữ	Trường MN Tân Hoa	Xã Lục Ngạn	Đại học	Khá	2,56	62	
5	**0235**	Nguyễn Thị Thanh	Nga	03/07/1992	Nữ	Trường mầm non Đồng Cốc	Xã Lục Ngạn	Đại học	Khá	7,37	54	
		PHƯỜNG VÂN HÀ: Chỉ tiêu: 08; đăng ký: 10										
1	**0403**	Đỗ Thị	Vinh	29/08/1994	Nữ	Trường MN Ngọc Châu	Ngọc Thiện	Đại học	Giỏi	3,35	86	
2	**0034**	Vũ Thị	Diễm	01/07/1996	Nũ	MN Ngọc Lý	Tân Yên	Đại học	Khá	2,71	80	
3	**0323**	Nguyễn Thị	Thanh	12/11/1990	Nữ	Trường MN Liên Chung	Phúc Hoà	Đại học	Giỏi	3,25	76	
4	**0030**	Nguyễn Thị	Chinh	20/01/1994	Nữ	Trường MN Phúc Hoà	Phúc Hoà	Đại học	Khá	3,07	72	
5	**0322**	Vi Thị	Thanh	10/01/1993	Nữ	Trường MN Liên Chung	Phúc Hoà	Cao đẳng	Giỏi	8,45	60	
6	**0143**	Giáp Thị	Huyền	12/04/1993	Nữ	MN Việt Tiến	P. Tự Lạn	Đại học	Khá	3,15	60	
7	**0383**	Đàm Thị Vân	Trang	06/10/1992	Nữ	Mầm Non Lương Văn Nắm	Nhã Nam	Đại học	Giỏi	3,20	58	
8	**0036**	Đoàn Thị	Diện	19/05/1986	Nữ	MN Hương Mai	P. Tự Lạn	Cao đẳng	Khá	7,53	58	
9	**0385**	Đặng Thị	Trang	25/03/1993	Nữ	MN Việt Tiến	P. Tự Lạn	Cao đẳng	Khá	3,05	56	
10	**0219**	Trần Thị	Mai	05/12/1998	Nữ	MN Việt Tiến	P. Tự Lạn	Đại học	Giỏi	3,23	54	
		PHƯỜNG VIỆT YÊN: Chỉ tiêu: 01; đăng ký: 01										
1	**0184**	Dương Thị	Liên	25/08/1995	Nữ	MN Cao Xá	Tân Yên	Cao đẳng	Giỏi	8,04	92	
		PHƯỜNG VÕ CƯỜNG: Chỉ tiêu: 05; đăng ký: 03										
1	**0011**	Đỗ Thị	Ánh	16/07/1996	Nữ	Trường MN số 1	Phường Phượng sơn	Đại học	Khá	3,17	60	
2	**0336**	Trần Thị	Thắng	16/03/1991	Nữ	Mầm non Hương Lạc số 1	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Giỏi	3,38	52	
3	**0046**	Hà Thị	Duyên	05/06/1993	Nữ	Mầm non Hương Lạc số 1	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Khá	3,11	50	
		XÃ XUÂN CẨM: Chỉ tiêu: 21; đăng ký: 17										
1	**0061**	Phạm Thị	Hà	05/3/1990	Nữ	Trường MN Ngọc Thiện số 1	Ngọc Thiện	Cao đẳng	Giỏi	8,01	80	
2	**0293**	Hà Thị	Phượng	22/10/1996	Nữ	Trường MN Ngọc Thiện số 2	Ngọc Thiện	Cao đẳng	Giỏi	3,23	74	
3	**0254**	Nguyễn Thị	Ngọc	14/09/1986	Nữ	Trường MN Quỳnh Sơn	P. Tân An	Đại học	Khá	2,88	64	
4	**0307**	Nguyễn Thị	Tần	08/09/1987	Nữ	MN Tân Thanh	Mỹ Thái	Đại học	Khá	2,97	62	
5	**0320**	Đỗ Thị	Thanh	09/01/1990	Nữ	MN Tiên Lục số 6	Tiên Lục	Cao đẳng	Giỏi	3,35	62	
6	**0122**	Nguyễn Thị	Huế	05/3/1986	Nữ	Trường MN Ngọc Châu	Ngọc Thiện	Đại học	Khá	2,73	62	
7	**0132**	Tống Thị	Huệ	20/8/1991	Nữ	MN Canh Nậu	Xuân Lương	Cao đẳng	Giỏi	3,41	62	
8	**0092**	Vũ Thị	Hiền	04/05/1994	Nữ	Trường MN Tân Sơn số 1	Tân Sơn	Cao đẳng	Khá	3,01	60	
9	**0180**	Hoàng Thị Kim	Liên	07/10/1996	Nữ	Trường MN Tân Hoa	Xã Lục Ngạn	Cao đẳng	Khá	3,14	58	

TT	SBD	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Điểm sát hạch	Ghi chú
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
10	**0381**	Hoàng Thị	Trang	26/10/1995	Nữ	MN Tiên Lục Số 6	Tiên Lục	Cao đẳng	Khá	7,50	58	
11	**0271**	Nguyễn Thị	Nhung	23-03-1994	Nữ	Trường MN Ngọc Châu	Ngọc Thiện	Đại học	Giỏi	3,40	56	
12	**0283**	Nguyễn Thị	Oanh	05/07/1996	Nữ	MN Tự Lạn	P. Tự Lạn	Cao đẳng	Giỏi	3,57	54	
13	**0091**	Chu Thị	Hiên	20/10/1986	Nữ	MN Cao Thượng	Tân Yên	Đại học	Khá	3,05	54	
14	**0287**	Ngô Thị	Phương	21/06/1995	Nữ	Trường Mầm non Trù Hựu	Phường Chũ	Đại học	Giỏi	3,5	52	
15	**0311**	Đỗ Thị Minh	Tuyền	12/12/1997	Nữ	MN Đoan Bái số 2	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	3,19	52	
16	**0164**	Nguyễn Thị	Hữu	08/02/1993	Nữ	MN Đoan Bái số 2	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	3,12	50	
17	**0304**	Nguyễn Thị	Sinh	24/05/1993	Nữ	MN Thượng Lan	P. Tự Lạn	Cao đẳng	Khá	2,88	50	
		XÃ YÊN ĐỊNH: Chỉ tiêu: 03; đăng ký: 03										
1	**0186**	Nguyễn Thị Hồng	Linh	29/12/1995	Nữ	Mn Kiên Lao số 2	Kiên Lao	Cao đẳng	Giỏi	3,23	82	
3	**0394**	Hoàng Thị	Vân	03/02/1993	Nữ	Trường MN số 2	Phường Phượng sơn	Cao đẳng	Khá	2,92	76	
2	**0038**	Trần Huyền	Diệu	02/02/1995	Nữ	Trường MN Hồng Giang	Phường Chũ	Cao đẳng	Khá	2,69	72	
		PHƯỜNG YÊN DŨNG: Chỉ tiêu: 10; đăng ký: 13										
1	**0198**	Lê Thị	Lới	07/02/1987	Nữ	Mầm non Tiến Dũng	Phường Cảnh Thụy	Cao đẳng	Khá	2,72	92	
2	**0066**	Nguyễn Thu	Hà	12/11/1997	Nữ	Trường Mầm non Ngô Quyền	P. Bắc Giang	Đại học	Khá	2,62	90	
3	**0305**	Lê Thị	Sinh	13/06/1993	Nữ	Mầm non Tiến Dũng	Phường Cảnh Thụy	Đại học	TB	2,42	88	
4	**0204**	Nguyễn Thị	Lương	16/02/1997	Nữ	Trường MN Tân An số 1	P. Tân An	Cao đẳng	Giỏi	3,39	80	
5	**0388**	Dương Thu	Trang	18/10/1992	Nữ	Trường Mầm non Lê Lợi	P. Bắc Giang	Đại học	Giỏi	3,39	76	
6	**0102**	Tạ Thị	Hiền	13/01/1992	Nữ	Trường MN Tân An số 2	P. Tân An	Đại học	TBK	6,45	72	
7	**0202**	Lê Thị	Luyến	15/01/1987	Nữ	Mầm non Tiến Dũng	Phường Cảnh Thụy	Đại học	Khá	3,04	72	
8	**0165**	Lê Thị	Kim	04/03/1986	Nữ	Trường MN Đồng Phúc	Xã Đồng Việt	Cao đẳng	Khá	2,77	62	
9	**0405**	Vũ Thị Mai	Vy	07/01/1997	Nữ	Trường mầm non Sao Mai	P. Bắc Giang	Đại học	Khá	3,08	60	
10	**0086**	Chu Thị	Hậu	05/07/1987	Nữ	Trường MN Tân An số 1	P. Tân An	Cao đẳng	Giỏi	3,29	60	
11	**0241**	Hoàng Thị Thúy	Ngà	12/04/1981	Nữ	Trường MN Đồng Phúc	Xã Đồng Việt	Cao đẳng	Khá	7,96	60	
12	**0101**	Dương Thị Ngọc	Hiền	28/07/1993	Nữ	Trường MN Tân An số 1	P. Tân An	Cao đẳng	Khá	7,41	60	
13	**0047**	Phan Thị	Duyên	24/08/1991	Nữ	Trường MN Đồng Phúc	Xã Đồng Việt	Cao đẳng	Khá	2,68	58	
		XÃ YÊN PHONG: Chỉ tiêu: 04; đăng ký: 01										
1	**0415**	Ngô Thị Hải	Yến	28/01/1995	Nữ	MN Tân Thanh	Mỹ Thái	Đại học	TBK	6,56	60	
		XÃ YÊN THẾ: Chỉ tiêu: 01; đăng ký: 01										
1	**0010**	Mã Thị Ngọc	Anh	04/04/1997	Nữ	MN Đồng Tiến	Xuân Lương	Đại học	Giỏi	3,47	92	